

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-PT
Ngày 23-02-2023
V/v “tranh chấp quyền về lối đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán.

Ông Nguyễn Văn Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 520/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp quyền về lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 532/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Cù Thị M, sinh năm 1961; Cư trú tại: Số A, ấp X, xã H, huyện Ch, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1953; Cư trú tại: Số B, Nguyễn Thái B, khu phố B1, phường B2, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 (vợ ông R, đã chết ngày 16/6/2019).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C:

1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1953; Cư trú tại: Số B, Nguyễn Thái B, khu phố B1, phường B2, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1995; Cư trú tại: Số B, Nguyễn Thái B, khu phố B1, phường B2, thành phố T, tỉnh Long An (con của ông R và bà C).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Cù Thị M.

(Bà M có mặt, còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Cù Thị M trình bày:

Bà Cù Thị M là chủ sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ 1-8a, diện tích 349,2m², loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc phường B2, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 926101 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 08 tháng 12 năm 2017. Đến ngày 21 tháng 5 năm 2018, thửa đất này đã được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 034988 được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 21 tháng 5 năm 2018 cho bà M đứng tên.

Thửa đất 147 bị vây bọc bởi các bất động sản xung quanh, lối đi duy nhất từ thửa đất này ra đường công cộng là phải đi ngang qua một phần thửa đất số 136 thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C. Trước đây, đây là lối đi tự nhiên sử dụng chung cho các chủ sử dụng đất bên trong nhưng vợ chồng ông R, bà C cố tình gây cản trở không cho bà M được quyền sử dụng lối đi qua tại thửa 136 do ông R đứng tên.

Sự việc đã được Ủy ban nhân dân phường B2, thành phố T tiến hành hoà giải vào ngày 09 tháng 02 năm 2018 nhưng không thành.

Nay bà M khởi kiện tranh chấp quyền về lối đi qua đối với ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C. Do bà C đã chết vào năm 2019 nên bà M yêu cầu Tòa án buộc ông R và người thừa kế của bà Nguyễn Thị C mở lối đi trên thửa 136, tờ bản đồ số 1-8a, loại đất ODT, tọa lạc phường B2, thành phố T, tỉnh Long An do ông Nguyễn Văn R đứng tên quyền sử dụng đất, để bà M được lưu thông từ thửa 147 thuộc quyền sử dụng đất của bà M ra đường Nguyễn Thái B. Lối đi có chiều dài 31m x chiều rộng 1,5m, tạm tính là 46,5m². Vị trí theo Mảnh trích đo địa chính ngày 08/7/2022 do Công ty TNHH dịch vụ đo đạc nhà đất HP đo vẽ (Bản vẽ mở rộng họa đồ vị trí và phân khu theo yêu cầu của Tòa án dựa trên bản vẽ đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T duyệt ngày 02/5/2015), diện tích lối đi thuộc thửa 136 mà M yêu cầu được sử dụng là 46,2m².

Trước đây bà M có khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc ông R tháo dỡ hàng rào B40 và các trụ cột xi măng mà ông R rào xung quanh thửa đất 147 do bà M đứng tên nhưng sau đó bà M đã rút lại yêu cầu này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn R cùng người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai đối với ông Nguyễn Văn R vào ngày 17 tháng 11 năm 2021 thể hiện ông R xác định biết việc bà M mua thửa đất 147 liền kề với thửa đất ông R đang đứng tên, quản lý sử dụng. Lúc bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã biết đất không có lối đi vào nhưng vẫn mua rồi lại tranh chấp với ông R thì ông R không đồng ý. Ông R xác định không liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của bà M. Ngoài ra, ông R cung cấp thêm thông tin cha mẹ ruột của bà Nguyễn Thị C là cụ Nguyễn Văn N và cụ Lê Thị B đã chết cách đây nhiều năm. Để tránh kéo dài tranh chấp, ông R đề nghị bà M chuyển nhượng thửa đất 147 cho ông R với giá dưới 01 tỷ đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đã căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 158, 165, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều: 245, 247, 248, 249 và 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị M đối với ông Nguyễn Văn R về tranh chấp quyền về lối đi qua.

Bà Cù Thị M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 36,5m² thuộc một phần thửa 136, tờ bản đồ 1-8a, loại đất ODT do ông Nguyễn Văn R đứng tên và nền đan xi măng tương ứng diện tích đất 36,5m² thuộc sở hữu của ông R để làm lối đi từ thửa 147, tờ bản đồ số 1-8a, loại đất ODT, cùng tọa lạc phường B2, thành phố T, tỉnh Long An do bà Cù Thị M đứng tên ra đường công cộng.

Phần đất làm lối đi có diện tích 36,5m² thuộc một phần thửa 136, tờ bản đồ số 1-8a, loại đất ODT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 12/QĐ-UBND ngày 08/01/2009 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp cho ông Nguyễn Văn R gồm khu A và khu b2 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 08/7/2022 do Công ty TNHH dịch vụ đo đạc - nhà đất HP đo vẽ (Bản vẽ mở rộng họa đồ vị trí và phân khu theo yêu cầu của Tòa án dựa trên bản vẽ đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T duyệt ngày 02/5/2015). Phần lối đi có vị trí tứ cận như sau:

- Đông giáp: thửa số 123, 438, 439: hộ Nguyễn Thị Tố Tr, Nguyễn Thị Tố Qu, Nguyễn Thị Túy Ph, đường nước công cộng;
- Tây giáp: thửa 135 (chiều dài cạnh 24,8m, 1,5m) và thửa 136 (phần còn lại);
- Nam giáp: phần còn lại của thửa 136;
- Bắc giáp: Hẻm công cộng.

(Đính kèm Mảnh trích đo địa chính ngày 08/7/2022).

Ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T phải tháo dỡ, di dời dụng cụ trồng rau thủy canh thuộc phần đất làm lối đi của bà Cù Thị M.

Ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T phải tạo điều kiện cho bà M được đi lại thuận tiện, không được rào chắn gây cản trở việc sử dụng lối đi của bà M. Bà M không được lạm quyền đối với bất động sản chịu hưởng quyền. Việc thay đổi việc thực hiện quyền đối với bất động sản liền kề được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bà M chuyển quyền sử dụng đất thửa số 147 thì chủ sử dụng mới của thửa số 147 có quyền tiếp tục sử dụng lối đi có diện tích $36,5m^2$, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bà Cù Thị M có nghĩa vụ đền bù cho ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T là người thừa kế của bà Nguyễn Thị C số tiền 190.946.000 đồng là giá trị quyền sử dụng đất, công trình trên phần đất bị thiệt hại do yêu cầu mở lối đi của bà M được chấp nhận.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị M đối với ông Nguyễn Văn R về việc sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa 136 là $9,7m^2$ để làm lối đi từ thửa 147 ra đường công cộng.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Cù Thị M về việc buộc ông R tháo dỡ hàng rào lưới B40 và cột trụ xi măng trước thửa đất 147 do rút đơn khởi kiện.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 đồng.

- Bà Cù Thị M được miễn án phí, hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 1977 ngày 27/3/2018 và số 2616 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

6. Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản, chi phí đăng báo: Tổng cộng 16.300.000 đồng, bà M phải chịu, đã nộp và chi phí xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 12/10/2022 nguyên đơn bà Cù Thị M kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

Nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo cho rằng số tiền bà M có nghĩa vụ đền bù cho ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T là người kế thừa của

bà Nguyễn Thị C số tiền 190.946.000 đồng là giá trị quyền sử dụng đất với số tiền trên là quá cao vì lối đi này có 04 hộ sử dụng làm lối đi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo Chứng thư thẩm định giá số 242/22/08/2022/TĐG LA-BDS ngày 22/8/2022 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn HD xác định giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất, cát san lấp nền tại thời điểm tháng 8 năm 2022 có giá trị tổng cộng là 572.839.000 đồng. Phần lối đi từ thửa số 147 qua một phần thửa số 136 hiện nay đang được sử dụng là lối đi duy nhất từ nhà ở thuộc quyền sở hữu của ông R (thửa số 136), chủ sở hữu nhà và đất thuộc thửa số 420 và thửa số 424 ra đường công cộng. Vì vậy, cấp sơ thẩm tính giá trị bà M cần đền bù do được hưởng quyền về lối đi qua thửa số 136 cho ông Nguyễn Văn R, cụ thể: $572.839.000 \text{ đồng} : 3 = 190.946.000 \text{ đồng}$ là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà M kháng cáo xin được đền bù $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất là không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Cù Thị M kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bà Cù Thị M kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Văn R là bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C cùng anh Nguyễn Hữu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông R và anh T.

[4] Xét kháng cáo thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cù Thị M yêu cầu ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C phải mở lối đi qua cho bà M lưu thông từ thửa số 147 ra lối đi công cộng qua thửa đất số 136 do ông Nguyễn Văn R đứng tên quyền sử dụng đất được cấp sơ thẩm chấp nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm ông R và anh T cũng không có kháng cáo về việc buộc mở lối đi, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Tuy nhiên, về phần đền bù giá trị thì chủ sử dụng bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Theo Chứng thư thẩm định giá số 242/22/08/2022/TĐG LA-BDS ngày 22/8/2022 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn HD xác định giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất, cát san lấp nền tại thời điểm tháng 8 năm 2022 có giá trị tổng cộng là 572.839.000 đồng. Cấp sơ thẩm nhận định, hiện trạng lối đi này đã được tráng nền xi-măng sạch sẽ, thuận tiện đi lại, khi bà M được sử dụng lối đi này cũng không phải tốn thêm chi phí đầu tư tôn tạo, san lấp nền. Trường hợp bà M chuyển quyền sử dụng đất thửa số 147 thì chủ sử dụng mới của thửa số 147 có quyền tiếp tục sử dụng lối đi có diện tích 36,5m². Bên cạnh đó, phần lối đi từ thửa số 147 qua một phần thửa số 136 hiện nay đang được sử dụng là lối đi duy nhất từ nhà ở thuộc quyền sở hữu của ông R (thửa số 136), chủ sở hữu nhà và đất thuộc thửa số 420 và thửa số 424 ra đường công cộng. Vì vậy, bà M cần đền bù giá trị hợp lý do được hưởng quyền về lối đi qua thửa số 136 cho ông Nguyễn Văn R, cụ thể: 572.839.000 đồng : 3 = 190.946.000 đồng là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà M kháng cáo xin giảm ½ giá trị đền bù là không có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu. Do bà Cù Thị M có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi và được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cù Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 158, 165, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 245, 247, 248, 249 và 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị M đối với ông Nguyễn Văn R về tranh chấp quyền về lối đi qua.

Bà Cù Thị M được quyền sử dụng phần đất có diện tích $36,5m^2$ thuộc một phần thửa số 136, tờ bản đồ 1-8a, loại đất ODT do ông Nguyễn Văn R đứng tên và nền đan xi măng tương ứng diện tích đất $36,5m^2$ thuộc sở hữu của ông R để làm lối đi từ thửa số 147, tờ bản đồ số 1-8a, loại đất ODT, cùng tọa lạc phường B2, thành phố T, tỉnh Long An do bà Cù Thị M đứng tên ra đường công cộng.

Phần đất làm lối đi có diện tích $36,5m^2$ thuộc một phần thửa số 136, tờ bản đồ số 1-8a, loại đất ODT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 12/QĐ-UBND ngày 08/01/2009 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp cho ông Nguyễn Văn R gồm khu A và khu b2 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 08/7/2022 do Công ty TNHH dịch vụ đo đạc - nhà đất HP đo vẽ (Bản vẽ mở rộng họa đồ vị trí và phân khu theo yêu cầu của Tòa án dựa trên bản vẽ đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T duyệt ngày 02/5/2015). Phần lối đi có vị trí tứ cận như sau:

- Đông giáp: thửa số 123, 438, 439: hộ Nguyễn Thị Tố Tr, Nguyễn Thị Tố Qu, Nguyễn Thị Túy Ph, đường nước công cộng;

- Tây giáp: thửa 135 (chiều dài cạnh 24,8m, 1,5m) và thửa số 136 (phần còn lại);

- Nam giáp: phần còn lại của thửa số 136;

- Bắc giáp: Hẻm công cộng.

(Đính kèm Mảnh trích đo địa chính ngày 08/7/2022).

Ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T phải tháo dỡ, di dời dụng cụ trồng rau thủy canh thuộc phần đất làm lối đi của bà Cù Thị M.

Ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T phải tạo điều kiện cho bà M được đi lại thuận tiện, không được rào chắn gây cản trở việc sử dụng lối đi của bà M. Bà M không được lạm quyền đối với bất động sản chịu hưởng quyền. Việc thay đổi việc thực hiện quyền đối với bất động sản liền kề được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bà M chuyển quyền sử dụng đất thửa số 147 thì chủ sử dụng mới của thửa số 147 có quyền tiếp tục sử dụng lối đi có diện tích $36,5m^2$, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bà Cù Thị M có nghĩa vụ đền bù cho ông Nguyễn Văn R và anh Nguyễn Hữu T là người thừa kế của bà Nguyễn Thị C số tiền 190.946.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) là giá trị quyền sử dụng đất, công trình trên phần đất bị thiệt hại do yêu cầu mở lối đi của bà M được chấp nhận.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị M đối với ông Nguyễn Văn R về việc sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa 136 là 9,7m² để làm lối đi từ thửa 147 ra đường công cộng.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Cù Thị M về việc buộc ông R tháo dỡ hàng rào lưới B40 và cột trụ xi măng trước thửa đất số 147 do rút đơn khởi kiện.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Bà Cù Thị M được miễn án phí, hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 1977 ngày 27/3/2018 và số 2616 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

6. Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản, chi phí đăng báo: Tổng cộng 16.300.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng), bà M phải chịu, đã nộp và chi phí xong.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cù Thị M được miễn nộp.

8. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu thi hành ngay sau khi tuyên án.

9. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữn